

Phát triển sàn giao dịch các-bon: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho hệ thống ngân hàng Việt Nam

Development of carbon markets: International experience
and policy implications for the Vietnamese banking system

 **TS. Nguyễn Đình Đáp ***
ThS. Châu Ngọc Cẩm Vân **

● Ngày nhận bài: 02/02/2026 ● Ngày biên tập: 04/02/2026 ● Ngày duyệt đăng: 09/4/2026

Tóm tắt:

Trên thế giới, các mô hình sàn giao dịch các-bon gắn với hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải (Emissions Trading System - ETS) và thị trường tín chỉ các-bon tự nguyện đã được triển khai rộng rãi. Sàn giao dịch này hỗ trợ thực hiện mục tiêu khí hậu, tạo lập một phân khúc thị trường và tài sản mới trong hệ thống tài chính - ngân hàng. Tại Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026, đánh dấu bước tiến quan trọng trong hoàn thiện khung pháp lý cho việc hình thành và vận hành sàn giao dịch các-bon trong nước. Nghị định số 29/2026/NĐ-CP xác lập rõ lộ trình phát triển thị trường, cơ chế tổ chức giao dịch và vai trò của các thiết chế trung gian, đặc biệt là hệ thống ngân hàng. Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm quốc tế, rà soát các quy định mới, bài viết làm rõ những cơ hội, thách thức và yêu cầu đặt ra trong quá trình phát triển sàn giao dịch các-bon tại Việt Nam, đồng thời, phân tích hàm ý chính sách đối với hệ thống ngân hàng trong việc tham gia thanh toán, quản lý dòng tiền, hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển các sản phẩm tài chính gắn với các-bon, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển bền vững.

Từ khóa:

Sàn giao dịch các-bon, thị trường các-bon, Nghị định số 29/2026/NĐ-CP, tài chính xanh, tăng trưởng xanh.

Abstract:

Globally, carbon market models associated with Emissions Trading Systems (ETS) and voluntary carbon credit markets have been widely implemented. These platforms support climate goals while creating a new market segment and asset class within the financial - banking system. In Vietnam, the Government issued Decree No. 29/2026/NĐ-CP dated January 19, 2026, marking a significant step forward in completing the legal framework for the establishment and operation of a domestic carbon exchange. This Decree clearly defines the development roadmap, trading mechanisms, and the roles of intermediary institutions, particularly the banking system. Based on an analysis of international experience and a review of the new regulations, this article clarifies the opportunities, challenges, and requirements in developing a carbon exchange in Vietnam. It also examines policy implications for the banking system in terms of payment participation, cash flow management, business support, and the development of carbon-linked financial products, contributing to green growth and sustainable development.

Keywords:

Carbon exchange, carbon market, Decree No. 29/2026/NĐ-CP, green finance, green growth.

* Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

** Chi cục Bảo vệ môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

1. Đặt vấn đề

Biến đổi khí hậu đang trở thành một trong những thách thức toàn cầu nghiêm trọng nhất đối với phát triển bền vững, tác động sâu rộng đến ổn định kinh tế - xã hội, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và chất lượng sống của con người. Trước những tác động ngày càng gia tăng của hiện tượng nóng lên toàn cầu, cộng đồng quốc tế đã thúc đẩy mạnh mẽ các nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính, trong đó việc sử dụng các công cụ kinh tế dựa trên cơ chế thị trường, đặc biệt là định giá và phát triển thị trường các-bon, được xem là giải pháp hiệu quả và bền vững.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã thể hiện cam kết mạnh mẽ thông qua việc tham gia Thỏa thuận Paris và tuyên bố mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Đồng thời, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là trước sự xuất hiện của các cơ chế điều chỉnh các-bon xuyên biên giới như CBAM của Liên minh châu Âu, đang đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam trong việc xây dựng và vận hành các công cụ quản lý phát thải phù hợp với thông lệ quốc tế. Trong điều kiện này, thị trường các-bon không chỉ là công cụ hỗ trợ thực hiện mục tiêu khí hậu, mà còn trở thành yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Thực tiễn quốc tế cho thấy,

nhiều quốc gia, khu vực đã hình thành, vận hành thành công các ETS và sàn giao dịch các-bon, qua đó không chỉ hỗ trợ giảm phát thải mà còn tạo lập một phân khúc thị trường và loại tài sản mới trong hệ thống tài chính. Điểm chung của các mô hình này là sự tham gia ngày càng sâu của khu vực tài chính - ngân hàng, với vai trò trung gian thanh toán, quản lý rủi ro và cung cấp các sản phẩm tài chính gắn với các-bon.

Tại Việt Nam, mặc dù các chính sách liên quan đến kiểm kê khí nhà kính, phân bổ hạn ngạch phát thải và phát triển tín chỉ các-bon đã từng bước được ban hành, song thị trường các-bon trong nước vẫn đang ở giai đoạn hình thành, thiếu cơ chế giao dịch tập trung và khung vận hành đồng bộ. Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2026/NĐ-CP đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình thể chế hóa chủ trương phát triển thị trường các-bon, lần đầu tiên thiết lập khung pháp lý cho việc tổ chức và vận hành sàn giao dịch các-bon trong nước, đồng thời xác lập vai trò của các thiết chế trung gian, đặc biệt là hệ thống ngân hàng.

Xuất phát từ bối cảnh đó, bài viết phân tích kinh nghiệm quốc tế trong phát triển sàn giao dịch các-bon, làm rõ những nội dung cốt lõi của Nghị định số 29/2026/NĐ-CP. Trên cơ sở này, bài viết phân tích hàm ý chính sách đối với hệ thống ngân hàng trong quá trình tham gia vận hành sàn giao

dịch các-bon, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

2. Tổng quan chung về sàn giao dịch các-bon

2.1. Khái niệm, phân loại sàn giao dịch các-bon

Sàn giao dịch các-bon được hiểu là thiết chế thị trường tập trung, nơi thực hiện các giao dịch mua, bán, chuyển nhượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon theo các quy tắc, tiêu chuẩn và cơ chế giám sát do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trên sàn giao dịch các-bon, hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon được xem là một loại hàng hóa đặc biệt, có thể giao dịch, tích lũy và sử dụng để thực hiện nghĩa vụ tuân thủ hoặc phục vụ các mục tiêu tự nguyện về giảm phát thải.

Xét theo tính chất pháp lý và mục tiêu sử dụng, sàn giao dịch các-bon trên thế giới thường gắn với hai loại thị trường chủ yếu.

Thứ nhất là thị trường các-bon bắt buộc, vận hành trên cơ sở ETS, trong đó Nhà nước quy định trần phát thải đối với các ngành, lĩnh vực hoặc cơ sở phát thải lớn, đồng thời phân bổ hoặc đấu giá hạn ngạch phát thải. Các chủ thể phát thải có nghĩa vụ tuân thủ phải nộp đủ hạn ngạch tương ứng với lượng phát thải thực tế và được phép mua, bán hạn ngạch trên sàn giao dịch.

Thứ hai là thị trường các-bon tự nguyện, nơi các

tổ chức, doanh nghiệp mua tín chỉ các-bon nhằm bù đắp lượng phát thải của mình trên cơ sở tự nguyện, phục vụ các cam kết về trách nhiệm môi trường, xã hội và quản trị (ESG) hoặc các chiến lược trung hòa các-bon.

Trong thực tiễn, nhiều quốc gia và khu vực đã phát triển các sàn giao dịch các-bon gắn với thị trường bắt buộc, đồng thời cho phép kết nối hoặc song song vận hành với thị trường tự nguyện. Cách tiếp cận này giúp mở rộng quy mô thị trường, tăng tính thanh khoản, tạo điều kiện cho nhiều nhóm chủ thể tham gia, từ các cơ sở phát thải lớn đến các doanh nghiệp, tổ chức tài chính và nhà đầu tư.

2.2. Ý nghĩa của sàn giao dịch các-bon đối với hệ thống tài chính

Sàn giao dịch các-bon có vai trò quan trọng trong việc hiện thực hóa nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả chi phí”, thông qua cơ chế định giá phát thải khí nhà kính dựa trên quan hệ cung - cầu của thị trường.

Thay vì áp dụng các biện pháp hành chính thuần túy, sàn giao dịch các-bon tạo ra động lực kinh tế để các chủ thể phát thải chủ động giảm phát thải, đầu tư đổi mới công nghệ và tối ưu hóa chi phí tuân thủ.

Về mặt kinh tế - tài chính, sự hình thành sàn giao dịch các-bon góp phần tạo lập một loại tài sản mới có thể được giao dịch, định giá và

tích hợp vào hệ thống tài chính. Thông qua sàn giao dịch, các dòng vốn có thể được điều hướng từ khu vực phát thải cao sang các hoạt động, dự án phát thải thấp và hấp thụ các-bon, qua đó hỗ trợ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xanh, bền vững.

Đối với hệ thống ngân hàng và thị trường tài chính, sàn giao dịch các-bon mở ra không gian mới cho việc phát triển các sản phẩm và dịch vụ tài chính xanh, như dịch vụ thanh toán giao dịch các-bon, tài trợ dự án giảm phát thải, quản lý rủi ro giá các-bon, cũng như các công cụ tài chính phái sinh gắn với các-bon. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, khi sàn giao dịch các-bon được vận hành minh bạch và ổn định, sự tham gia của khu vực tài chính - ngân hàng sẽ góp phần nâng cao tính thanh khoản, tăng cường niềm tin thị trường và giảm thiểu các rủi ro hệ thống.

2.3. Phương thức vận hành cơ bản của sàn giao dịch các-bon

Về nguyên tắc, sàn giao dịch các-bon vận hành trên cơ sở chuỗi quy trình khép kín, bao gồm: Đăng ký và quản lý tài khoản giao dịch; xác nhận, ghi nhận hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon; thực hiện giao dịch mua, bán; thanh toán, bù trừ; giám sát, báo cáo và kiểm tra tuân thủ. Trong đó, hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm tra (MRV) đóng vai trò nền tảng nhằm bảo đảm tính toàn vẹn môi trường của

các đơn vị các-bon được giao dịch.

Một đặc điểm quan trọng của sàn giao dịch các-bon là sự tham gia của các thiết chế trung gian nhằm bảo đảm an toàn và minh bạch cho thị trường. Trong đó, cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò giám sát, ban hành quy tắc, sàn giao dịch thường gắn với hệ thống lưu ký, thanh toán và bù trừ. Ngân hàng thanh toán giữ vai trò trung tâm trong việc quản lý dòng tiền, bảo đảm nghĩa vụ tài chính của các bên tham gia giao dịch.

Đối với các quốc gia đang phát triển thị trường các-bon, việc thiết kế phương thức vận hành sàn giao dịch phù hợp với điều kiện trong nước, đồng thời tiệm cận thông lệ quốc tế, có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả và tính bền vững của thị trường. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa khung pháp lý, hạ tầng kỹ thuật, năng lực quản lý và sự tham gia chủ động của khu vực doanh nghiệp và hệ thống tài chính - ngân hàng.

3. Kinh nghiệm quốc tế trong triển khai sàn giao dịch các-bon

3.1. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu

Hệ thống trao đổi hạn ngạch phát thải của Liên minh châu Âu (EU ETS) được xem là mô hình thị trường các-bon bắt buộc lâu đời và phát triển nhất trên thế giới. EU ETS vận hành theo cơ chế “giới hạn và trao đổi”

(cap-and-trade), trong đó Ủy ban châu Âu xác định trần phát thải cho các ngành, lĩnh vực phát thải lớn, đồng thời phân bổ và đấu giá hạn ngạch phát thải cho các cơ sở thuộc diện điều chỉnh. Hạn ngạch phát thải được coi là một loại tài sản có thể giao dịch trên sàn, với giá được hình thành theo quan hệ cung - cầu của thị trường.

Một trong những yếu tố then chốt làm nên thành công của EU ETS là hệ thống MRV chặt chẽ, thống nhất trên toàn khu vực, bảo đảm tính toàn vẹn môi trường của các đơn vị các-bon được giao dịch. Bên cạnh đó, EU ETS được thiết kế gắn chặt với hệ thống tài chính - ngân hàng, cho phép sự tham gia của các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư và ngân hàng với vai trò trung gian thanh toán, cung cấp dịch vụ tài chính, quản lý rủi ro giá, phát triển các công cụ phái sinh các-bon.

Thực tiễn EU ETS cho thấy, khi sàn giao dịch các-bon được vận hành minh bạch, ổn định, thị trường không chỉ hỗ trợ hiệu quả mục tiêu giảm phát thải mà còn góp phần hình thành tín hiệu giá các-bon dài hạn, qua đó định hướng dòng vốn đầu tư vào các công nghệ và dự án phát thải thấp. Đây là bài học quan trọng đối với các quốc gia đang phát triển thị trường các-bon, trong đó có Việt Nam.

3.2. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Trung Quốc là quốc gia đang phát triển có quy mô thị

trường các-bon lớn nhất thế giới. ETS của Trung Quốc được triển khai theo lộ trình thận trọng, bắt đầu từ các chương trình thí điểm tại địa phương trước khi mở rộng ra phạm vi toàn quốc. Cách tiếp cận này giúp Trung Quốc từng bước hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực quản lý và làm quen của doanh nghiệp với cơ chế thị trường các-bon.

Đặc điểm nổi bật của mô hình Trung Quốc là vai trò điều tiết mạnh của Nhà nước trong giai đoạn đầu, từ việc xác định đối tượng tham gia, phương pháp phân bổ hạn ngạch đến giám sát giao dịch. Các sàn giao dịch các-bon địa phương được thiết lập gắn với hạ tầng giao dịch hiện có, đồng thời kết nối dần với hệ thống tài chính - ngân hàng nhằm bảo đảm thanh toán và quản lý dòng tiền giao dịch.

Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, đối với các quốc gia có thị trường mới hình thành, việc triển khai thí điểm, mở rộng theo lộ trình và tăng cường vai trò điều tiết của Nhà nước trong giai đoạn đầu là cần thiết nhằm hạn chế rủi ro thị trường, từng bước xây dựng niềm tin và năng lực của các chủ thể tham gia.

3.3. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Hàn Quốc là một trong những quốc gia châu Á triển khai thành công ETS ở cấp quốc gia. ETS của Hàn Quốc được thiết kế đồng bộ với thị trường tài chính trong

nước, cho phép các tổ chức tài chính, ngân hàng và công ty chứng khoán tham gia vào các hoạt động giao dịch, lưu ký và thanh toán các đơn vị các-bon. Việc gắn kết thị trường các-bon với hệ thống tài chính đã góp phần nâng cao tính thanh khoản, giảm chi phí giao dịch và hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ nghĩa vụ phát thải.

Một số quốc gia khác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng đang từng bước xây dựng thị trường các-bon theo hướng kết hợp giữa thị trường bắt buộc và thị trường tự nguyện, đồng thời thúc đẩy vai trò của khu vực tài chính trong việc cung cấp các sản phẩm tài chính xanh, tài trợ dự án giảm phát thải và quản lý rủi ro các-bon.

3.4. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Từ kinh nghiệm quốc tế có thể rút ra một số bài học quan trọng cho quá trình phát triển sàn giao dịch các-bon tại Việt Nam.

Thứ nhất, việc xây dựng sàn giao dịch các-bon cần được đặt trong một khung pháp lý rõ ràng, ổn định và có lộ trình phù hợp, tránh những thay đổi đột ngột gây rủi ro cho thị trường.

Thứ hai, hệ thống MRV đóng vai trò nền tảng, quyết định tính toàn vẹn và uy tín của thị trường các-bon.

Thứ ba, sự tham gia của hệ thống tài chính - ngân hàng là yếu tố then chốt nhằm bảo đảm thanh toán an toàn, nâng cao tính thanh khoản và

phát triển các sản phẩm tài chính gắn với các-bon.

Những bài học kinh nghiệm này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam trong bối cảnh thị trường các-bon đang ở giai đoạn hình thành. Việc vận dụng linh hoạt kinh nghiệm quốc tế, đồng thời điều chỉnh phù hợp với điều kiện trong nước, sẽ là cơ sở để triển khai hiệu quả các quy định mới về sản giao dịch các-bon theo Nghị định số 29/2026/NĐ-CP.

4. Một số quy định cụ thể về sản giao dịch các-bon tại Việt Nam

Phạm vi điều chỉnh và định vị sản giao dịch các-bon trong nước

Xuất phát từ yêu cầu hình thành một công cụ thị trường nhằm định giá các-bon, nâng cao hiệu quả giảm phát thải và tăng cường tính minh bạch trong quản lý phát thải khí nhà kính, Nghị định số 29/2026/NĐ-CP đã thiết lập khung pháp lý chuyên biệt cho việc tổ chức và vận hành sản giao dịch các-bon trong nước. Khác với các quy định trước đây chủ yếu tập trung vào kiểm kê, phân bổ, quản lý hạn ngạch phát thải, Nghị định số 29/2026/NĐ-CP mở rộng phạm vi điều chỉnh sang toàn bộ chuỗi hoạt động của thị trường các-bon, bao gồm đăng ký, cấp mã trong nước, chuyển quyền sở hữu, lưu ký, giao dịch và thanh toán đối với hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon đủ điều kiện giao dịch.

Thông qua cách tiếp cận này, sản giao dịch các-bon được định vị không chỉ là một công cụ hỗ trợ thực hiện chính sách môi trường, mà còn là một thiết chế thị trường

vận hành theo nguyên tắc giao dịch tập trung, có sự tham gia của các chủ thể thuộc hạ tầng thị trường tài chính. Việc lựa chọn tận dụng hạ tầng thị trường chứng khoán hiện có, với sự tham gia của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong các khâu tổ chức giao dịch, lưu ký và thanh toán, thể hiện rõ định hướng của Nhà nước trong việc bảo đảm tính chuẩn hóa, minh bạch, an toàn hệ thống ngay từ giai đoạn hình thành thị trường các-bon trong nước.

Hàng hóa giao dịch và điều kiện đưa vào sản

Theo Nghị định số 29/2026/NĐ-CP, hàng hóa giao dịch trên sản giao dịch các-bon trong nước bao gồm hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon được phép trao đổi theo quy định của pháp luật. Một nguyên tắc xuyên suốt được nhấn mạnh là chỉ các đơn vị các-bon đáp ứng đầy đủ điều kiện mới được phép đưa vào giao dịch, nhằm bảo đảm tính toàn vẹn môi trường và độ tin cậy của thị trường.

Trước khi được giao dịch, hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon phải được đăng ký tập trung trên Hệ thống đăng ký quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý thực hiện cấp mã trong nước thống nhất, làm căn cứ cho các nghiệp vụ lưu ký, giao dịch và thanh toán. Cơ chế mã hóa tập trung này có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn hóa nhận diện tài sản các-bon, tăng khả năng truy xuất nguồn gốc và hạn chế rủi ro trùng lặp hoặc gian lận tín chỉ.

Cơ cấu tổ chức và phân công trách nhiệm trong vận hành sản

Nghị định số 29/2026/NĐ-CP xác lập rõ trách nhiệm giữa các chủ thể tham gia vận hành sản giao dịch các-bon. Theo đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hàng hóa các-bon đưa vào giao dịch, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của dữ liệu đăng ký, đồng thời phối hợp với các đơn vị hạ tầng thị trường trong quá trình vận hành sản.

Trong khi đó, các thiết chế thuộc hạ tầng thị trường chứng khoán chịu trách nhiệm tổ chức giao dịch, lưu ký, bù trừ và thanh toán theo quy trình nghiệp vụ đã được chuẩn hóa. Cách phân công này thể hiện mô hình “hai trụ cột”: Một trụ cột bảo đảm chất lượng môi trường và dữ liệu phát thải, trụ cột còn lại bảo đảm kỷ luật thị trường, an toàn giao dịch và thanh toán, phù hợp với thông lệ quốc tế trong tổ chức thị trường các-bon.

Nguyên tắc giao dịch, thanh toán và kiểm soát rủi ro

Về nguyên tắc vận hành, Nghị định số 29/2026/NĐ-CP đặt ra các yêu cầu chặt chẽ nhằm kiểm soát rủi ro thị trường ngay từ khâu giao dịch. Các chủ thể tham gia chỉ được phép giao dịch thông qua tài khoản giao dịch chuyên biệt; hoạt động giao dịch các-bon phải được tách bạch với các hoạt động giao dịch khác. Việc đặt lệnh mua, bán được thực hiện trên cơ sở có đủ tiền khi mua và có đủ hạn ngạch hoặc tín chỉ khi bán, qua đó hạn chế rủi ro thanh toán và rủi ro đối tác.

Quy trình hậu giao dịch được thiết kế theo nguyên tắc gắn

kết chặt chẽ giữa thanh toán và chuyển quyền sở hữu, bảo đảm giao dịch chỉ hoàn tất khi nghĩa vụ tài chính được thực hiện đầy đủ. Cách tiếp cận này tiệm cận nguyên tắc “giao hàng - thanh toán đồng thời” phổ biến trên các thị trường giao dịch tập trung, góp phần nâng cao tính an toàn và ổn định của thị trường các-bon trong nước.

5. Lộ trình triển khai sàn giao dịch các-bon trong nước và một số giải pháp

5.1. Lộ trình triển khai

Theo định hướng của Chính phủ, sàn giao dịch các-bon trong nước được xây dựng, vận hành theo lộ trình nhiều giai đoạn, phù hợp với mức độ sẵn sàng của nền kinh tế và năng lực quản lý nhà nước.

Giai đoạn thí điểm (đến hết năm 2028) tập trung vào việc thiết lập và vận hành thử nghiệm hạ tầng giao dịch, lưu ký và thanh toán; hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ; nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý và các chủ thể tham gia thị trường. Trong giai đoạn này, việc miễn thu phí dịch vụ giao dịch theo Nghị định số 29/2026/NĐ-CP có ý nghĩa quan trọng trong việc giảm chi phí gia nhập thị trường, khuyến khích doanh nghiệp và các tổ chức liên quan tham gia thử nghiệm cơ chế giao dịch các-bon.

Giai đoạn vận hành chính thức (sau năm 2028) hướng tới việc mở rộng quy mô thị trường, tăng số lượng chủ thể tham gia và từng bước hoàn thiện cơ chế định giá các-bon theo tín hiệu thị trường. Ở giai đoạn này, sàn giao dịch các-bon không chỉ phục vụ nghĩa vụ tuân thủ phát thải trong nước, mà còn tạo nền tảng để xem

xét khả năng kết nối với các thị trường các-bon khu vực và quốc tế khi điều kiện cho phép.

Cách tiếp cận theo lộ trình này phù hợp với kinh nghiệm của nhiều quốc gia, trong đó việc thí điểm có kiểm soát giúp hạn chế rủi ro, tạo dư địa điều chỉnh chính sách và tích lũy kinh nghiệm quản lý trước khi thị trường vận hành ở quy mô lớn.

5.2. Một số giải pháp

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và khung pháp lý

Một trong những giải pháp then chốt để triển khai hiệu quả sàn giao dịch các-bon trong nước là tiếp tục hoàn thiện thể chế và khung pháp lý theo hướng đồng bộ, thống nhất và ổn định. Bên cạnh Nghị định số 29/2026/NĐ-CP, cần sớm ban hành và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn chi tiết về tiêu chuẩn tín chỉ các-bon, điều kiện giao dịch, cơ chế giám sát, xử lý vi phạm.

Đặc biệt, việc làm rõ mối quan hệ giữa thị trường các-bon với các chính sách liên quan như kiểm kê khí nhà kính, phân bổ hạn ngạch phát thải, báo cáo ESG và tài chính xanh có ý nghĩa quan trọng trong việc tránh chồng chéo, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ. Khung pháp lý ổn định, nhất quán sẽ là yếu tố quyết định để hình thành niềm tin thị trường và thu hút sự tham gia lâu dài của các chủ thể.

Thứ hai, nâng cao năng lực MRV

Hệ thống MRV là nền tảng kỹ thuật cốt lõi của thị trường các-bon. Để sàn giao dịch các-bon vận hành hiệu quả, cần tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực

MRV ở cả cấp quốc gia, ngành và doanh nghiệp. Điều này bao gồm việc hoàn thiện phương pháp luận tính toán phát thải, chuẩn hóa quy trình báo cáo và tăng cường đội ngũ tổ chức thẩm tra độc lập có năng lực chuyên môn.

Việc bảo đảm tính chính xác, minh bạch và nhất quán của dữ liệu phát thải không chỉ giúp nâng cao chất lượng hàng hóa các-bon đưa vào giao dịch, mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng uy tín của thị trường các-bon Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thứ ba, phát triển hạ tầng số và hệ thống dữ liệu liên thông

Sàn giao dịch các-bon là một thị trường dựa nhiều vào dữ liệu và công nghệ. Do đó, việc phát triển hạ tầng số và hệ thống dữ liệu liên thông giữa Hệ thống đăng ký quốc gia, sàn giao dịch, hệ thống lưu ký và thanh toán là yêu cầu bắt buộc. Hạ tầng công nghệ cần bảo đảm khả năng xử lý giao dịch an toàn, bảo mật thông tin và khả năng mở rộng khi quy mô thị trường tăng lên.

Trong trung và dài hạn, việc ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và chuỗi khối có thể được xem xét nhằm nâng cao khả năng truy xuất, giám sát giao dịch và phòng ngừa rủi ro gian lận trên thị trường các-bon.

Thứ tư, phát triển cung - cầu và tăng tính thanh khoản cho thị trường

Để sàn giao dịch các-bon vận hành hiệu quả, cần đồng thời phát triển cả nguồn cung và cầu trên thị trường. Về phía cung, cần khuyến khích phát triển các dự án tạo tín chỉ các-bon chất lượng cao trong các lĩnh vực có tiềm năng như

năng lượng, nông nghiệp, lâm nghiệp và quản lý chất thải. Về phía cầu, cần từng bước mở rộng đối tượng tham gia thị trường, không chỉ giới hạn ở các cơ sở có nghĩa vụ tuân thủ, mà còn bao gồm các doanh nghiệp và tổ chức có nhu cầu tự nguyện bù đắp phát thải.

Song song với đó, vai trò của các thiết chế trung gian, đặc biệt là khu vực tài chính - ngân hàng, có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao tính thanh khoản, hỗ trợ quản lý rủi ro và giảm chi phí giao dịch, qua đó thúc đẩy sự phát triển ổn định của thị trường các-bon.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác truyền thông, đào tạo và hướng dẫn doanh nghiệp

Việc triển khai sản giao dịch các-bon sẽ khó đạt hiệu quả nếu thiếu sự hiểu biết và chủ động tham gia của doanh nghiệp. Do đó, cần đẩy mạnh công tác truyền thông, đào tạo, hướng dẫn nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về thị trường các-bon, nghĩa vụ phát thải và cơ hội từ giao dịch các-bon.

Việc hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận thông tin, nâng cao năng lực quản lý phát thải và tham gia thị trường các-bon sẽ góp phần mở rộng nền tảng thị trường, tạo sức lan tỏa, bảo đảm tính bền vững của sản giao dịch các-bon trong nước.

6. Một số hàm ý chính sách đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh triển khai sản giao dịch các-bon

6.1. Vai trò của hệ thống ngân hàng trong vận hành sản giao dịch các-bon

Trong mô hình vận hành sản giao dịch các-bon, ngân hàng giữ vị trí đặc biệt quan trọng với tư cách là thiết chế trung gian tài chính, kết nối thị trường các-bon với hệ thống tài chính - tiền tệ quốc gia. Trên thế giới, sự tham gia của ngân hàng được xem là một trong những điều kiện then chốt để thị trường các-bon vận hành ổn định, minh bạch và có tính thanh khoản cao. Điều này xuất phát từ đặc thù của các-bon như một loại hàng hóa đặc biệt, đồng thời là một dạng tài sản mới gắn với nghĩa vụ tuân thủ pháp lý và rủi ro thị trường.

Thứ nhất, ngân hàng đóng vai trò bảo đảm hạ tầng thanh toán và luân chuyển dòng tiền cho các giao dịch các-bon

Thông qua việc quản lý tài khoản, xử lý thanh toán và phối hợp với hệ thống lưu ký - bù trừ, ngân hàng góp phần bảo đảm các giao dịch hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon được thực hiện an toàn, đúng thời hạn và minh bạch.

Đây là điều kiện tiên quyết để xây dựng niềm tin của doanh nghiệp và các chủ thể tham gia đối với sản giao dịch các-bon, đặc biệt trong giai đoạn thị trường mới hình thành.

Thứ hai, ngân hàng có vai trò quan trọng trong kiểm soát rủi ro và bảo đảm kỷ luật thị trường

Với kinh nghiệm trong quản lý rủi ro tài chính, tuân thủ và phòng, chống rửa tiền, hệ thống ngân hàng góp phần hỗ trợ cơ quan quản lý trong giám sát dòng tiền giao dịch các-bon, hạn chế các hành vi đầu cơ, gian lận hoặc lợi dụng thị trường các-bon cho các mục đích phi pháp.

Vai trò này càng có ý nghĩa trong bối cảnh thị trường các-bon có thể thu hút sự tham gia của nhiều nhóm chủ thể với động cơ và mức độ hiểu biết khác nhau.

Thứ ba, ngân hàng là cầu nối huy động, phân bổ nguồn lực tài chính cho các hoạt động giảm phát thải

Thông qua tín dụng xanh, tài trợ dự án, bảo lãnh và các sản phẩm tài chính liên quan, ngân hàng có thể hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, nông nghiệp, lâm nghiệp bền vững - những lĩnh vực có tiềm năng tạo ra tín chỉ các-bon.

Khi sản giao dịch các-bon vận hành hiệu quả và hình thành tín hiệu giá rõ ràng, vai trò này của ngân hàng càng được phát huy mạnh mẽ.

Thứ tư, sự tham gia của ngân hàng góp phần kết nối thị trường các-bon với các khuôn khổ tài chính xanh và ESG

Trong bối cảnh ngày càng nhiều doanh nghiệp chịu áp lực minh bạch phát thải và thực hiện các cam kết ESG, ngân hàng có thể đóng vai trò tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp tích hợp yếu tố các-bon vào chiến lược tài chính và quản trị, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận vốn và vị thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Từ góc độ chính sách, việc xác lập rõ vai trò của ngân hàng trong vận hành sản giao dịch các-bon góp phần bảo đảm an toàn và hiệu quả của thị trường, mở ra không gian để hệ thống ngân hàng tham gia sâu hơn vào quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế các-bon thấp.

6.2. Hàm ý chính sách đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam

Xuất phát từ vai trò đặc biệt quan trọng của hệ thống ngân hàng trong vận hành sản giao dịch các-bon trong nước, có thể rút ra một số hàm ý chính sách quan trọng đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh triển khai sản giao dịch các-bon theo Nghị định số 29/2026/NĐ-CP.

Trước hết, các ngân hàng cần chủ động nâng cao năng lực chuyên môn liên quan đến thị trường các-bon, bao gồm hiểu biết về hạn ngạch phát thải, tín chỉ các-bon, cơ chế giao dịch và các rủi ro đặc thù của thị trường này.

Bên cạnh đó, cần từng bước tích hợp yếu tố các-bon vào hoạt động quản trị rủi ro, thẩm định tín dụng và phát triển sản phẩm tài chính xanh, bảo đảm sự phù hợp giữa mục tiêu an toàn hệ thống ngân hàng và mục tiêu thúc đẩy chuyển dịch sang nền kinh tế các-bon thấp.

Về phía cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, việc hoàn thiện khuôn khổ chính sách nhằm tạo điều kiện cho các ngân hàng tham gia sâu hơn vào thị trường các-bon, đồng thời bảo đảm tuân thủ các chuẩn mực an toàn tài chính, là yêu cầu mang tính chiến lược trong giai đoạn tới.

7. Kết luận

Trong bối cảnh Việt Nam triển khai các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính và hướng tới mục tiêu

phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, việc hình thành và vận hành sản giao dịch các-bon trong nước là một yêu cầu tất yếu, phản ánh sự chuyển dịch từ các công cụ quản lý hành chính sang các công cụ kinh tế dựa trên cơ chế thị trường. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, sản giao dịch các-bon chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được thiết kế trên nền tảng thể chế rõ ràng, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và có sự tham gia tích cực của các thiết chế tài chính.

Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2026/NĐ-CP đã tạo lập khung pháp lý quan trọng cho quá trình hình thành và vận hành sản giao dịch các-bon tại Việt Nam. Nghị định không chỉ hoàn thiện cơ chế quản lý hạn ngạch phát thải và tín chỉ các-bon, mà còn gắn thị trường các-bon với hạ tầng thị trường tài chính hiện đại, qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch, an toàn và hiệu quả của hoạt động giao dịch các-bon trong nước.

Trên cơ sở phân tích kinh nghiệm quốc tế và các quy định mới của Nghị định số 29/2026/NĐ-CP, việc triển khai sản giao

dịch các-bon tại Việt Nam cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, gắn với việc hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực đo đạc - báo cáo - thẩm tra, phát triển hạ tầng số và thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp. Trong quá trình đó, hệ thống ngân hàng giữ vai trò trung gian tài chính then chốt, không chỉ trong bảo đảm thanh toán và an toàn thị trường, mà còn trong việc huy động và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động giảm phát thải và chuyển dịch sang nền kinh tế các-bon thấp.

Về dài hạn, việc phát triển sản giao dịch các-bon trong nước, cùng với sự tham gia chủ động của hệ thống ngân hàng và các thiết chế tài chính, sẽ góp phần hình thành một thị trường các-bon minh bạch, hiệu quả, có khả năng hội nhập quốc tế. Đây không chỉ là công cụ hỗ trợ thực hiện mục tiêu khí hậu, mà còn là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và hệ thống ngân hàng Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững. ▀

Tài liệu tham khảo:

1. European Commission (2023), *EU Emissions Trading System (EU ETS): Factsheet*. Brussels.
2. Forest Trends (2023), *Developing Carbon Markets in Asia*. Washington, DC.
3. International Energy Agency (IEA) (2023), *Emissions Trading and Carbon Markets*. Paris.
4. McKinsey & Company (2024), *Global Carbon Markets Outlook*.
5. Nghị định số 29/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 của Chính phủ về sản giao dịch các-bon trong nước.
6. Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.
7. OECD (2022), *Carbon Pricing and Green Finance*. Paris.
8. Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.
9. UNFCCC (2022), *Article 6 of the Paris Agreement: Guidance and Implementation*.
10. World Bank (2023), *State and Trends of Carbon Pricing*. Washington, DC.